

Số:
V/v thực hiện kê khai, nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp

Hà Nam, ngày tháng 10 năm 2020

Kính gửi:

Thực hiện Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05/5/2020 của Chính phủ về quy định phí bảo vệ môi trường đối với nước thải; Sở Tài nguyên và Môi trường yêu cầu các cơ sở có phát sinh nước thải công nghiệp thực hiện các nội dung sau:

1. Đối với các cơ sở có lượng nước thải trung bình trong năm tính phí dưới 20m³/ngày:

- Năm 2020: Cơ sở nào chưa nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp thì phải nộp mức phí 1.500.000 đồng/năm.

- Kể từ ngày 01/01/2021, áp dụng theo biểu sau:

| STT | Lưu lượng nước thải bình quân (m ³ /ngày) | Mức phí (đồng/năm) |
|-----|--|--------------------|
| 1 | Từ 10 đến dưới 20 | 4.000.000 |
| 2 | Từ 5 đến dưới 10 | 3.000.000 |
| 3 | Dưới 5 | 2.500.000 |

- Kê khai phí một lần với tổ chức thu phí khi mới bắt đầu hoạt động (*theo mẫu tại Phụ lục kèm theo*), thời gian khai chậm nhất là ngày 20 tháng liền sau tháng bắt đầu hoạt động.

- Nộp phí một lần cho cả năm theo Thông báo của Chi cục Bảo vệ môi trường, thời hạn nộp phí chậm nhất là ngày 31 tháng 3 hàng năm. Trường hợp cơ sở bắt đầu hoạt động sau ngày 31 tháng 3 hàng năm thực hiện nộp phí theo Thông báo của Chi cục Bảo vệ môi trường trong thời hạn 10 ngày kể từ khi có Thông báo.

2. Đối với các cơ sở có lưu lượng nước thải trung bình trong năm tính phí trên 20m³/ngày:

a. Số phí phải nộp hàng quý tính theo công thức sau: $F_q = (f/4) + C_q$.

Trong đó:

- F_q là số phí phải nộp trong quý.

- f là mức phí cố định: 1.500.000 đồng/năm (*kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 trở đi là 4.000.000 đồng/năm*); trường hợp cơ sở bắt đầu hoạt động sau quý I, số phí phải nộp tính cho thời gian từ quý cơ sở bắt đầu hoạt động đến hết năm, mức phí cho 01 quý $= f/4$.

- C_q là phí biến đổi, tính theo: tổng lượng nước thải ra, hàm lượng thông số ô nhiễm của từng chất có trong nước thải và mức thu đối với mỗi chất theo Biểu dưới đây:

| Số TT | Thông số ô nhiễm tính phí | Mức phí (đồng/kg) |
|-------|----------------------------|-------------------|
| 1 | Nhu cầu ô xy hóa học (COD) | 2.000 |
| 2 | Chất rắn lơ lửng (TSS) | 2.400 |
| 3 | Thủy ngân (Hg) | 20.000.000 |
| 4 | Chì (Pb) | 1.000.000 |
| 5 | Arsenic (As) | 2.000.000 |
| 6 | Cadimium (Cd) | 2.000.000 |

- Số phí biến đổi được tính cho từng thông số ô nhiễm theo công thức sau:

$$\text{Số phí phải nộp (đồng)} = \text{Tổng lượng nước thải thải vào nguồn tiếp nhận (m}^3\text{)} \times \text{Hàm lượng thông số ô nhiễm có trong nước thải (mg/l)} \times 0,001 \times \text{Mức thu phí của thông số ô nhiễm (đồng/kg)}$$

(Cách xác định số phí phải nộp theo hướng dẫn tại khoản 2 điều 6 và khoản 2 điều 7 Nghị định 53/2020/NĐ-CP ngày 05/5/2020 của Chính phủ)

b. Hàng quý, chậm nhất là ngày 20 của tháng đầu tiên của quý tiếp theo, người nộp phí kê khai phí (theo mẫu tại Phụ lục kèm theo) với Chi cục Bảo vệ môi trường và nộp phí vào Kho bạc Nhà nước tỉnh Hà Nam, mã quan hệ ngân sách: **1023321** của Chi cục Bảo vệ môi trường tỉnh Hà Nam – số 187, đường Quy Lưu, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam; Tài khoản số: **3511.0.1023321** tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Hà Nam hoặc kho bạc tại các huyện, thành phố; nộp bổ sung số phí phải nộp theo Thông báo của Chi cục Bảo vệ môi trường (nếu có) trong thời hạn 10 ngày kể từ khi có Thông báo.

Sở Tài nguyên và Môi trường yêu cầu các cơ sở sản xuất, kinh doanh nghiêm túc thực hiện theo quy định nêu trên./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, MT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Hoàng Văn Long